

Số: 66.2. /2025/NQ-CP

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2025

DỰ THẢO TRÌNH
THẨM ĐỊNH

NGHỊ QUYẾT

Về giải pháp tiếp tục triển khai công tác quy hoạch gắn với sắp xếp đơn vị hành chính trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi).

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 của Quốc hội về Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa 15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị quyết về giải pháp tiếp tục triển khai công tác quy hoạch gắn với sắp xếp đơn vị hành chính trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định một số giải pháp tiếp tục thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 theo quy định của Luật Quy hoạch và công tác lập, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi).

2. Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Về thực hiện quy hoạch thời kỳ 2021-2030 đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025

1. Cơ quan có thẩm quyền được sử dụng tên địa danh, vị trí, phạm vi địa lý trước sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 -2030 đã được quyết định hoặc phê duyệt kết hợp với tên địa danh, vị trí, phạm vi địa lý sau khi sáp nhập để thực hiện việc thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án, nhiệm vụ cho đến khi có quy định mới của pháp luật về quy hoạch.

2. Đối với các địa phương có sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cơ quan có thẩm quyền được phép căn cứ các quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đã được phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh để thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án, nhiệm vụ đã có trong quy hoạch tỉnh hoặc phù hợp với các quy hoạch tỉnh tương ứng trước khi sáp nhập.

3. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đang điều chỉnh theo trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Điều 54 của Luật Quy hoạch nhưng chưa được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện lập điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

4. Việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Điều 54a của Luật Quy hoạch được thực hiện như sau:

a) Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đang điều chỉnh nhưng chưa được quyết định hoặc phê duyệt và Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương điều chỉnh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều 54a của Luật Quy hoạch;

b) Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đã trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận chủ trương điều chỉnh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được chấp thuận thì cấp có thẩm quyền tiếp tục xem xét, chấp thuận chủ trương điều chỉnh; trường hợp được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương điều chỉnh thì tiếp tục thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều 54a của Luật Quy hoạch;

c) Không xem xét điều chỉnh quy hoạch kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp thực hiện ý kiến kết luận bằng văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Lãnh đạo chủ chốt, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm quốc phòng, an ninh, sắp xếp đơn vị hành chính, dự án quan trọng quốc gia, việc thực hiện dự án khẩn cấp, nhiệm vụ cấp bách làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch;

d) Đối với các địa phương có sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đối với quy hoạch tỉnh của tỉnh, thành phố trước khi sáp nhập đơn vị hành chính và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

5. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 sau khi điều chỉnh theo quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản 4 Điều này được tiếp tục thực hiện cho đến khi có quy hoạch thay thế hoặc điều chỉnh.

Điều 3. Về lập, điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2021-2030 khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp

1. Triển khai lập, điều chỉnh đồng thời các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định hiện hành của pháp luật về quy hoạch kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại khoản 3 Điều này và quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

2. Giao các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai lập, điều chỉnh các quy hoạch thời kỳ 2021-2030 như sau:

a) Bộ Tài chính lập điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia; lập, điều chỉnh quy hoạch 06 vùng kinh tế - xã hội trên cơ sở phân vùng kinh tế - xã hội được cấp có thẩm quyền thông qua;

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia; lập điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia;

c) Các Bộ được giao tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh trên cơ sở quy hoạch của đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sáp nhập.

3. Quy định về điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch và lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch

a) Không thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các hạng mục, nội dung lập hoặc cần điều chỉnh quy hoạch; xây dựng dự toán chi phí lập, điều chỉnh quy hoạch trên cơ sở các hạng mục, nội dung lập hoặc cần điều chỉnh quy hoạch; tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán lập hoặc điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về các hạng mục, nội dung lập, cần điều chỉnh và dự toán chi phí lập, điều chỉnh quy hoạch;

b) Không thực hiện lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với các quy hoạch quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công hoặc điều chỉnh dự toán chi thường xuyên đã được cấp thẩm quyền giao trong năm 2025 để triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch được quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phép chỉ định thầu lựa chọn tổ chức tư vấn lập, điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục chỉ định thầu được quy định tại pháp luật về đấu thầu.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục về thẩm định, trình phê duyệt và thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh đối với các quy hoạch quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quy hoạch. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết này;

b) Hồ sơ, trình tự, thủ tục về thẩm định và thẩm quyền quyết định điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quy hoạch;

c) Hồ sơ, trình tự, thủ tục về thẩm định, trình phê duyệt và thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh đối với quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi).

Điều 4. Quy định về trình tự lập, thẩm định, quyết định điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

1. Thực hiện các quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và điểm a khoản 6 Điều 3 Nghị quyết này.

2. Việc lấy ý kiến đối với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như sau:

a) Đối tượng lấy ý kiến gồm Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến về điều chỉnh quy hoạch, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản.

3. Không thực hiện quy định về thẩm định điều chỉnh quy hoạch. Bộ Tài chính tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch theo ý kiến góp ý của các cơ quan, trình Chính phủ xem xét, thông qua hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trước khi báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính khẩn trương lập điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo định hướng điều chỉnh đã được Hội nghị lần thứ 12, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII thông qua, trình Chính phủ xem xét, thông qua trước khi trình Quốc hội khóa XV xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10; ban hành văn bản hướng dẫn các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng dự toán chi phí lập, điều chỉnh quy hoạch đối với các quy hoạch quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trình Quốc hội khóa XV xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10.

3. Các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch theo nhiệm vụ được giao tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này. Sau khi Quốc hội khóa XV quyết định điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Kỳ họp thứ 10, các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, hoàn thiện nội dung điều chỉnh quy hoạch bảo đảm thống nhất với nội dung điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; hoàn thiện hồ sơ, trình thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi), bảo đảm tính thứ bậc, đồng bộ của hệ thống quy hoạch.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và được thực hiện đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027 hoặc được thay thế theo quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi).

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với các luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, khả thi; không để sơ hở, tham nhũng, tiêu cực, thất thoát, lãng phí./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính